

Số: **16** /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày **05** tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 3576/QĐ-MĐC ngày 03/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc biên soạn, điều chỉnh đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-MĐC ngày 03/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 3598/QĐ-MĐC ngày 17/12/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc Ban hành Quy định xây dựng, điều chỉnh Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo, đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ cao đẳng, về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các Khoa, Bộ môn và Đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu HCTH, ĐTDH₍₀₉₎.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An



QUY ĐỊNH VỀ MỞ MỚI VÀ ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /QĐ-MĐC ngày 05 tháng 01 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng cho việc mở mới và điều chỉnh các chương trình đào tạo đại học gồm:

- a) Mở chương trình đào tạo
 - Đối với các ngành có tên trong Danh mục ngành đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Xây dựng Đề án mở ngành chương trình đào tạo.
 - Đối với các ngành không có tên trong danh mục nói trên: Xây dựng Đề án mở chương trình đào tạo thí điểm.

b) Điều chỉnh các chương trình đào tạo đã được ban hành và đã được triển khai trong thực tế để cập nhật nội dung cho phù hợp hơn với sự phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và kỹ thuật hiện đại.

2. Quy định này không áp dụng cho các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế, chương trình đào tạo liên kết quốc tế.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1. Tín chỉ là đơn vị tính khối lượng học tập của người học.
 - a) Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn; hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án;
 - b) Một tiết học tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập.
- 2. Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với một trình độ đào tạo của giáo dục đại học là số lượng tín chỉ bắt buộc mà người học phải tích lũy được ở trình độ đào tạo đó, không bao gồm số lượng tín chỉ của các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
- 3. Chương trình đào tạo là hệ thống kiến thức lý thuyết và thực hành được thiết kế đồng bộ với phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập để đảm bảo người học tích lũy được kiến thức và đạt được năng lực cần thiết đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học.
- 4. Ngành đào tạo là tập hợp những kiến thức, kỹ năng chuyên môn liên quan đến một lĩnh vực khoa học hay một lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp nhất định. Bên cạnh khối kiến thức cơ bản và kiến thức cơ sở (của khối ngành, nhóm ngành), khối kiến thức ngành (gồm kiến thức chung và kiến thức chuyên sâu của ngành) trong mỗi chương trình đào tạo trình độ đại học phải có khối lượng tối thiểu 30 tín chỉ không trùng với kiến thức ngành của các ngành gần trong khối ngành, nhóm ngành.

5. Chuẩn đầu ra là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.

6. Năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp là khả năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và tâm huyết với nghề; bao gồm kiến thức, kỹ năng, tính chủ động sáng tạo trong giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành/chuyên ngành tương ứng đối với mỗi trình độ đào tạo.

CHƯƠNG II

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TỐI THIỂU, YÊU CẦU VỀ NĂNG LỰC MÀ NGƯỜI HỌC ĐẠT ĐƯỢC SAU KHI TỐT NGHIỆP MỖI TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Điều 3. Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học.

Khối lượng kiến thức tối thiểu đối với các trình độ đào tạo của giáo dục đại học được quy định cụ thể như sau:

Đối với những ngành có thời gian đào tạo 4 năm khối lượng kiến thức tích lũy tối thiểu 140 tín chỉ. Đối với những ngành có thời gian đào tạo 5 năm hoặc 6 năm thì khối lượng kiến thức tích lũy tối thiểu tương ứng là 150 hoặc 180 tín chỉ.

Điều 4. Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ của giáo dục đại học.

Ngoài các yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức Quốc phòng - An ninh theo quy định hiện hành và đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, người học sau khi tốt nghiệp mỗi trình độ của giáo dục đại học phải đạt được các yêu cầu năng lực tối thiểu sau đây:

1) Kiến thức:

Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.

2) Kỹ năng:

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên

quan đến công việc chuyên môn.

3) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

CHƯƠNG III: MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MỚI

Điều 5. Nguyên tắc mở chương trình đào tạo mới

Việc mở chương trình đào tạo mới phải đáp ứng các nguyên tắc sau đây:

1. Các ngành mới có nhu cầu xã hội cao, đã được điều tra khảo sát, có dự báo nhu cầu nguồn nhân lực trước mắt và lâu dài, có hiệu quả cao, đáp ứng nguyên tắc của sự phát triển kinh tế-xã hội;

2. Đảm bảo tính hệ thống và liên thông giữa chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ trong kế hoạch tổng thể phát triển ngành;

3. Ưu tiên xây dựng các ngành có tính liên ngành, độc đáo, phát huy thế mạnh của các đơn vị; thúc đẩy liên thông, liên kết trong Trường; hợp tác với các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp và các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp; Ưu tiên mở ngành mới có khả năng thu hút tốt nguồn lực xã hội;

4. Phù hợp với quy hoạch tổng thể trong đào tạo, kế hoạch phát triển ngành và sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ, gắn liền với việc thực hiện chiến lược phát triển của Khoa và của Trường; có vai trò thí điểm tiên phong cho hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam; không trùng với các ngành thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ do các Khoa khác đang làm đầu mối phụ trách;

5. Khi đề xuất mở chương trình đào tạo mới, các Khoa căn cứ vào Danh mục ngành đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nếu ngành mới chưa có trong Danh mục nói trên, Đề án mở chương trình đào tạo cần làm rõ luận cứ khoa học về ngành đào tạo này; thực tiễn và kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo ít nhất 02 chương trình đào tạo tham khảo của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm định và công nhận về chất lượng hoặc cho phép thực hiện và cấp văn bằng; có ít nhất 02 ý kiến đồng thuận về chương trình đào tạo của cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực trong lĩnh vực này; khả năng đưa vào Danh mục ngành đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đề xuất phương án về mã số của ngành sau thời hạn đào tạo thí điểm trên cơ sở trao đổi với Bộ Giáo dục và Đào tạo;

6. Phù hợp với các tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng hiện có, trong đó có khả năng chuyên môn của đội ngũ giảng viên, khả năng bổ sung nguồn lực thực hiện của Nhà Trường và của từng Khoa; có khả năng khai thác được nguồn lực của doanh nghiệp, cơ quan, các nhà tài trợ cũng như các nguồn vốn ngoài ngân sách và các khả năng xã hội hóa khác;

7. Ưu tiên đầu tư, phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng, đặc biệt là đội ngũ giảng viên, hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo, tài chính... trên cơ sở huy động, tích

hợp các nguồn lực hợp pháp trước khi triển khai đào tạo ngành. Tập trung đầu tư nguồn lực cho việc xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo thuộc diện ưu tiên;

8. Phát huy được hiệu quả của hợp tác quốc tế để xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo, nhanh chóng đạt chuẩn khu vực và quốc tế;

Điều 6. Điều kiện chung để mở chương trình đào tạo mới

1. Đáp ứng các nguyên tắc nêu tại Điều 5 của Quy định này;

2. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo ngành đào tạo, cụ thể:

a) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm với các trang thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu của ngành đề nghị được đào tạo;

b) Thư viện của Trường và của Khoa có đủ nguồn thông tin tư liệu (giáo trình, bài giảng, tóm tắt bài giảng, sách, tạp chí trong và ngoài nước và các tài liệu cần thiết khác) được cập nhật đầy đủ tới thời điểm xây dựng đề án, thư viện điện tử có thể liên kết với các đơn vị cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu dạy, học các môn học, chuyên đề trong chương trình đào tạo và thực hiện đề tài khóa luận, luận văn, luận án;

c) Có trang thông tin điện tử (Website) được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục; công khai danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng, sinh viên trúng tuyển, tốt nghiệp và được cấp bằng hàng năm theo các khóa học, ngành học (trừ các ngành phải bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật); tỷ lệ việc làm của sinh viên sau 1 năm tốt nghiệp các ngành đang đào tạo tại cơ sở đào tạo; công khai mức thu học phí và chi phí đào tạo của cơ sở đào tạo; công khai chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo của tất cả các ngành đang tổ chức đào tạo;

d) Có hệ thống tổ chức và quản lý đào tạo theo chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo;

e) Có các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hóa và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ, giảng viên và sinh viên;

f) Có đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo;

3. Có nguồn nhân lực và nguồn tài chính phù hợp để thực hiện chương trình đào tạo;

4. Không vi phạm các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức đào tạo, quản lý đào tạo và các quy định liên quan khác của pháp luật trong vòng 3 năm tính đến ngày Khoa đề nghị mở chương trình đào tạo.

Điều 7. Điều kiện mở chương trình đào tạo đã có trong danh mục ngành đào tạo của Nhà nước

1. Đáp ứng các điều kiện chung quy định tại Điều 6 quy định này;

2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu cơ hữu (gọi là giảng viên cơ hữu) bảo đảm về số lượng, chất lượng, trình độ và cơ cấu để tổ chức đào tạo trình độ đại học ngành đăng ký đào tạo, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện đào tạo trình độ đại học của các ngành khác đang đào tạo, trong đó có ít nhất 01 (một) tiến sĩ cùng ngành chịu trách nhiệm chủ trì, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo và cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo trước cơ sở đào tạo và xã hội; cụ thể:

a) Có ít nhất 10 (mười) giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trở lên cùng ngành

hoặc ngành gần với ngành đăng ký đào tạo, trong đó có ít nhất 01 (một) tiến sĩ và 04 (bốn) thạc sĩ, hoặc 02 (hai) tiến sĩ và 02 (hai) thạc sĩ cùng ngành đăng ký đào tạo

b) Giảng viên cơ hữu giảng dạy ít nhất 70% khối lượng chương trình đào tạo; khối lượng kiến thức còn lại do giảng viên thỉnh giảng (trong và ngoài nước) đã được ký kết hợp đồng thỉnh giảng với cơ sở đào tạo thực hiện. Các giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đều phải có chuyên môn phù hợp với nội dung các học phần được phân công giảng dạy.

c) Đối với các ngành mới mà chưa có thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo trong nước, nếu chưa đủ số lượng giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cùng ngành theo quy định thì có thể thay thế bằng thạc sĩ, tiến sĩ ngành gần. Các giảng viên này phải có kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học ít nhất 05 (năm) năm và có ít nhất 02 (hai) công trình khoa học thuộc lĩnh vực ngành đăng ký đào tạo đã công bố trong 05 (năm) năm tính đến ngày cơ sở đào tạo đăng ký mở ngành đào tạo.

Điều 8. Điều kiện mở chương trình đào tạo thí điểm

1. Điều kiện mở chương trình đào tạo thí điểm được áp dụng theo quy định tại Điều 7 của quy định này.

2. Đặc thù của chương trình đào tạo thí điểm: Yêu cầu về đội ngũ cán bộ đứng ngành đào tạo có thể được thay thế bằng những người có chuyên môn phù hợp (ngành gần) với ngành đào tạo. Các giảng viên này phải có kinh nghiệm giảng dạy trình độ đại học, thạc sĩ (ngành gần) ít nhất 5 năm và có ít nhất 2 trong số công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành có trong danh mục của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước quy định trong 5 năm trở lại đây thuộc lĩnh vực ngành đề nghị đào tạo.

Điều 9. Hồ sơ thẩm định đề án mở chương trình đào tạo

1. Hồ sơ (gồm cả bản in trên giấy và bản điện tử) đề nghị thẩm định Đề án mở chương trình đào tạo (gọi tắt là Hồ sơ Đề án) do Khoa chuyên môn thực hiện bao gồm (Phụ lục):

- a) Thuyết minh sự cần thiết mở ngành đào tạo;
- b) Thuyết minh năng lực của cơ sở đào tạo (đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành đề nghị mở ngành đào tạo; cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình; hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế);
- c) Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo (bao gồm cả đối tượng và điều kiện tuyển sinh, dự kiến tuyển sinh trong 03 (ba) năm đầu);
- d) Biên bản buổi Hội thảo cấp Khoa/ Trường góp ý đề án (kèm theo ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp);
- e) Biên bản của Hội đồng khoa học đào tạo Khoa thông qua đề án mở ngành đào tạo;
- f) Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu theo mẫu tại Phụ lục và Phiếu tự đánh giá thực hiện các điều kiện mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo theo mẫu tại Phụ lục;
- g) Minh chứng về nhu cầu xã hội đối với ngành dự kiến mở mới, bao gồm kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực; ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động, dự báo nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội:
 - Phiếu khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực đối với ngành đào tạo;
 - Phiếu khảo sát ý kiến về chuẩn đầu ra cho chương trình đào tạo.
- h) Các minh chứng về xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo, bao gồm: Quyết định thành lập tổ soạn thảo chương trình đào tạo; Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định

chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định); Kết luận của Hội đồng thẩm định; Văn bản giải trình của cơ sở đào tạo về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng theo kết luận của Hội đồng thẩm định (nếu có);

i) Biên bản chi tiết cuộc họp thẩm định Đề án của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa;

j) Danh sách giới thiệu 3 cán bộ khoa học ngoài Khoa/Trường có ngành phù hợp có thể tham gia Hội đồng thẩm định Đề án mở chương trình đào tạo theo mẫu;

TT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác	Điện thoại liên hệ
1					
2					

2. Hồ sơ đề nghị ban hành chương trình và thẩm định điều kiện tổ chức đào tạo (gồm cả bản in và bản điện tử):

a) Văn bản giải trình của Khoa về việc sửa chữa, hoàn thiện hồ sơ Đề án theo kết luận của Hội đồng thẩm định cấp Nhà trường;

b) Các văn bản đã sửa chữa, hoàn thiện gồm: 5 quyển Đề án mở chương trình đào tạo, 5 quyển chương trình đào tạo, 5 quyển đề cương môn học, 5 quyển hồ sơ cán bộ tham gia giảng dạy;

c) Biên bản của Hội đồng khoa học đào tạo của Nhà trường thông qua đề án mở ngành đào tạo;

d) Công văn đề nghị mở ngành đào tạo của Nhà trường (tóm tắt quá trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo, khẳng định đảm bảo điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định);

e) Quyết nghị của Hội đồng trường về việc mở ngành mới;

f) Hồ sơ mở ngành đào tạo sau khi hoàn thiện được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường trước khi gửi hồ sơ ít nhất 20 (hai mươi) ngày;

g) Đầu mối nhận hồ sơ là phòng Đào tạo Đại học. Trong vòng 7-14 ngày làm việc (không kể ngày lễ, ngày cuối tuần), phòng Đào tạo Đại học có trách nhiệm trả lời Khoa về tính đầy đủ của hồ sơ hoặc cần phải bổ sung, hoàn thiện.

Điều 10. Quy trình mở chương trình đào tạo

Bước 1: Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp ngành đào tạo kết hợp với yêu cầu về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực người học đạt được sau khi tốt nghiệp;

Bước 2: Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập tổ soạn thảo chương trình đào tạo (sau đây gọi là Tổ soạn thảo) trên cơ sở đề nghị của Trưởng khoa để thực hiện xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra về kiến thức, năng lực, kỹ năng, phẩm chất đạo đức. Sản phẩm của bước này là Dự thảo chương trình đào tạo lần 1.

Thành phần Tổ soạn thảo là những người am hiểu về ngành đào tạo và có năng lực xây dựng, phát triển chương trình đào tạo bao gồm: Đại diện đơn vị chuyên môn liên quan, đại diện phòng đào tạo, một số giảng viên đứng ngành đào tạo, một số nhà khoa học, chuyên gia giáo dục trong và ngoài nước, các thành phần liên quan khác theo yêu cầu của ngành đào tạo và đại diện một số doanh nghiệp/cơ quan sử dụng lao động thuộc ngành. Hiệu Trưởng quyết định tiêu chuẩn, số lượng thành viên tham gia Tổ soạn thảo.

Bước 4: Tổ soạn thảo, thảo luận thiết kế phiếu điều tra, lập kế hoạch điều tra khảo sát, xác định thông tin cần thu thập, các đối tượng và thời gian điều tra khảo sát, dự toán kinh phí điều tra khảo sát, tập huấn, tiến hành điều tra thử và điều chỉnh phiếu điều tra và tiến hành điều tra khảo sát các nhóm đối tượng có liên quan. Trên cơ sở xử lý phiếu điều tra và thông tin liên quan. Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài hoàn thiện chương trình đào tạo để xây dựng *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2*.

Bước 5: Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định. Tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra cho từng môn học trong *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2* theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo trình tự sau:

- Tổ chức hội thảo về xây dựng chuẩn đầu ra cho các môn học trong chương trình.
- Xây dựng chuẩn đầu ra cho từng môn học trên cơ sở chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Tổ chức họp Hội đồng khoa học đào tạo của Khoa/Bộ môn chuyên môn đánh giá chuẩn đầu ra các môn học. Căn cứ vào điều kiện đặc thù của mình, các Khoa/Bộ môn xác định chuẩn đầu ra cho từng ngành đào tạo, chuẩn đầu ra của từng môn học để hoàn thiện chương trình đào tạo nhằm đáp ứng cao nhu cầu xã hội.

- Tổ chức điều chỉnh chuẩn đầu ra theo kết luận của Hội đồng khoa học đào tạo của Khoa/Bộ môn chuyên môn.

Kết quả của bước này là *Chuẩn đầu ra tích hợp từ chuẩn đầu ra các môn học* của chương trình đào tạo đề xuất.

Bước 6: Xây dựng *Ma trận phát triển kiến thức, kỹ năng hay trình tự đào tạo các môn học hay lược đồ phát triển kiến thức, kỹ năng*. Hội đồng khoa học đào tạo của Khoa xác định trình tự thực hiện các khối kiến thức và các môn học đạt chuẩn đầu ra một cách tối ưu. Trình tự các môn học mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo. Sản phẩm của bước này là *Ma trận phát triển kiến thức, kỹ năng ứng với trình tự thực hiện các môn học đã xác định*. Kết quả tổng hợp của ma trận chuẩn đầu ra này giúp xác định trình tự phát triển các kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức và năng lực áp dụng kiến thức vào thực tiễn và là cơ sở để hoàn thiện *Dự thảo chương trình đào tạo lần 2*.

Bước 7: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về chương trình đào tạo và hoàn thiện chương trình đào tạo nói trên. Sản phẩm bước này là *Dự thảo chương trình đào tạo lần 3*.

Bước 8: Hội đồng Khoa học - Đào tạo của Khoa chuyên môn thẩm định góp ý hoàn chỉnh, đối chiếu chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra, các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng và rà soát các nguồn lực, phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội, hoạch toán chương trình với việc định vị nghề nghiệp của sản phẩm đào tạo. Sản phẩm của bước này là

Chương trình đào tạo hoàn chỉnh.

Bước 9: Trường khoa trình/nộp chương trình đào tạo hoàn chỉnh thông qua phòng Đào tạo Đại học làm đầu mối để trình Hội đồng khoa học và đào tạo của Trường xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng;

Điều 11. Chuẩn bị các điều kiện mở ngành và đảm bảo chất lượng

Nhà trường thẩm định điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn kiểm định chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng thẩm định điều kiện mở ngành do Hiệu trưởng quyết định dựa trên đề xuất của phòng Đào tạo Đại học có nhiệm vụ tổ chức khảo sát, kiểm tra tình hình thực tế, báo cáo để Hiệu trưởng xem xét quyết định mở ngành đào tạo mới.

1. Tổ chức kiểm tra và xác nhận các điều kiện thực tế về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Nhà Trường (danh sách và ngành đào tạo) thông qua hồ sơ gốc, cụ thể: Bảng lương của Nhà Trường trong 06 tháng liên tục (tính đến thời điểm kiểm tra), sổ bảo hiểm (đối với giảng viên trong độ tuổi lao động), quyết định tuyển dụng, hợp đồng tuyển dụng; đối chiếu tên ngành trên văn bằng với tên ngành của giảng viên cơ hữu ghi trong danh sách. Đối với những giảng viên cơ hữu làm việc theo chế độ hợp đồng lao động/ hợp đồng làm việc thì hợp đồng phải ghi rõ làm việc toàn thời gian cho Nhà Trường.

2. Tổ chức kiểm tra và xác nhận cơ sở vật chất, trang thiết bị thực tế của Nhà trường: phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, thư viện, các công trình xây dựng phục vụ hoạt động giải trí, thể thao, văn hóa, các công trình y tế, dịch vụ phục vụ cán bộ, giảng viên, sinh viên; danh mục sách, tạp chí phục vụ đào tạo ngành đề nghị được đào tạo kèm theo các minh chứng xây dựng thuê, mua, được tặng, được cấp, chuyển nhượng (đối chiếu với sổ tài sản, hóa đơn, chứng từ bản gốc). Đối với các máy móc, thiết bị được tặng từ các tổ chức, cá nhân nước ngoài thì phải có giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền cho phép tiếp nhận và nhập khẩu.

3. Tổ chức kiểm tra các nội dung về tài chính dự kiến cho 1 khóa đào tạo

- Các nguồn thu tài chính phục vụ đào tạo cho 1 khóa;
- Mức thu học phí và các khoản thu khác cho một tín chỉ hoặc cho từng năm học và dự kiến cho toàn bộ khóa học;
- Kế hoạch phân bổ sử dụng nguồn thu, trong đó có phần trích để tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng; Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong mỗi năm học (số lượng học bổng và tổng số tiền tương ứng, tổng số tiền học bổng ngoài ngân sách nhà nước).

- Đánh giá tính bền vững về mặt tài chính của chương trình đào tạo.

Việc kiểm tra phải lập thành biên bản, tối thiểu gồm 4 bản chính, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thẩm định điều kiện mở ngành.

Điều 12. Thẩm định cấp Nhà trường

1. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo (sau đây gọi là Hội đồng thẩm định) theo đề nghị của trường phòng Đào tạo Đại học. Tiêu chuẩn và cơ cấu Hội đồng thẩm định được quy định như sau:

- a) Hội đồng thẩm định có ít nhất 5 thành viên là các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đứng ngành; trong đó có ít nhất một người đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo; các thành viên Tổ soạn thảo không tham gia Hội đồng thẩm định. Khuyến khích

mời giảng viên có uy tín của các trường đại học nước ngoài tham gia hội đồng thẩm định chương trình;

b) Trường hợp không có người đại diện cho đơn vị sử dụng lao động đủ tiêu chuẩn tham gia Hội đồng thẩm định thì có thể mời người có học vị thạc sĩ từ 3 năm trở lên cùng ngành đào tạo và có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của chương trình đào tạo tham gia làm ủy viên hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học.

c) Hội đồng thẩm định gồm Chủ tịch, Thư ký và một số uỷ viên, Chủ tịch Hội đồng là người ngoài trường; các thành viên của hội đồng thẩm định phải đến từ ít nhất 2 cơ sở đào tạo khác đang đào tạo cùng ngành và cùng trình độ với chương trình đào tạo, trong đó có ít nhất 01 giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực ngành đề nghị cho phép đào tạo (trừ thành viên đại diện cho đơn vị sử dụng người học sau tốt nghiệp).

d) Đối với chương trình đào tạo thuộc ngành lần đầu tiên được đề nghị đào tạo ở Việt Nam hoặc ngành mới chưa có trong danh mục đào tạo thì thành viên hội đồng thẩm định là những người đủ tiêu chuẩn, thành phần theo quy định nhưng có thể thuộc ngành gần; nếu thuộc ngành gần phải có ít nhất 5 năm kinh nghiệm đào tạo trình độ đại học hoặc thạc sĩ và công bố ít nhất 01 công trình khoa học liên quan đến ngành đề nghị cho phép đào tạo (trừ thành viên đại diện cho đơn vị sử dụng người học sau tốt nghiệp); tối thiểu có 2 thành viên là người ngoài cơ sở đào tạo.

2. Thẩm định chương trình đào tạo

a) Hội đồng thẩm định căn cứ vào các quy định của quy chế đào tạo hiện hành đối với các trình độ tương ứng; các quy định hiện hành về chương trình đào tạo; yêu cầu của ngành đào tạo và mục tiêu, chuẩn đầu ra đã xác định để thẩm định chương trình;

b) Cuộc họp của hội đồng thẩm định phải được ghi thành biên bản chi tiết; trong đó có kết quả biểu quyết về Kết luận của Hội đồng thẩm định, có chữ ký của các thành viên hội đồng;

c) Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ một trong các nội dung sau: Hội đồng thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung hoặc Hội đồng không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không được thông qua.

d) Biên bản thẩm định phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thẩm định và đóng dấu của cơ sở đào tạo.

Điều 13. Quyết định mở ngành đào tạo

1. Hiệu trưởng ký đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét và ra quyết định mở ngành đào tạo nếu đề án được Hội đồng thẩm định chuyên môn cấp Trường thông qua; công bố công khai chương trình đào tạo, mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo thực hiện trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

2. Việc xem xét hồ sơ mở ngành đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ sở đào tạo.

Điều 14. Tổ chức đào tạo

1. Nhà trường tổ chức đào tạo khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện đảm bảo

chất lượng đào tạo theo quy định.

2. Tổ chức tuyển sinh đào tạo ngành mới trong năm nếu được Hiệu trưởng Nhà trường quyết định đào tạo trước thời điểm 30/11 của năm trước đối với bậc đào tạo đại học. Sau thời điểm này, việc tuyển sinh sẽ được xem xét vào năm tiếp theo.

CHƯƠNG IV: ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 15. Mục tiêu của việc điều chỉnh chương trình đào tạo

1. Phát huy hiệu quả liên thông, liên kết trong tổ chức đào tạo theo các Quy chế đào tạo của Nhà trường;

2. Điều chỉnh nội dung đào tạo, phương pháp dạy - học, kiểm tra, đánh giá và phương thức quản lý gắn với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu xã hội và khả năng thu hút các nguồn lực, phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ.

3. Tăng cường hội nhập quốc tế; thực hiện liên thông liên kết với các đại học tiên tiến trong khu vực và thế giới trong công nhận và chuyển đổi tín chỉ, giao lưu, trao đổi cán bộ và sinh viên, công nhận văn bằng và chứng chỉ đào tạo.

Điều 16. Quy trình cập nhật chương trình đào tạo

Bước 1: Các khoa/bộ môn lập kế hoạch cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo;

Bước 2: Các khoa/bộ môn thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn...);

Bước 3: Các khoa/bộ môn Đánh giá và xây dựng báo cáo, đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với chuẩn đầu ra và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện; dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật chương trình đào tạo;

Bước 4: Các khoa Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường xem xét thông qua;

Bước 5: Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo và trình Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung. Nếu cần thiết, Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường quyết định việc thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung theo Điều 12 của Quy định này.

CHƯƠNG V: ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Điều 17. Đánh giá việc thực hiện chương trình đào tạo

1. Đối với chương trình đào tạo đã có trong danh mục ngành đào tạo của Nhà nước.

a) Ít nhất 2 năm một lần, các khoa/bộ môn chuyên môn trực thuộc Nhà trường phải tổ

chức đánh giá chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 16 của Quy định này (từ bước 1 đến bước 4). Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo Điều 10 của Quy định này hoặc theo quy trình rút gọn và tổ chức đơn giản hơn, tùy theo mức độ sửa đổi, cập nhật;

b) Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường sau khi chương trình đào tạo được đánh giá theo Điều 16 của Quy định này;

c) Sau 05 (năm) năm liên tiếp không tuyển sinh ngành đào tạo đã được cho phép, nếu muốn tuyển sinh và tổ chức đào tạo trở lại, khoa/bộ môn phải đăng ký mở ngành đào tạo lại theo các điều của quy định này;

2. Đối với chương trình đào tạo thí điểm: Sau 1 năm được phép tổ chức thực hiện đào tạo thí điểm, Khoa/Bộ môn tổ chức rút kinh nghiệm để chấn chỉnh công tác điều hành quản lý; sau 2 khóa đào tạo, Khoa/Bộ môn tổ chức hội nghị tổng kết đào tạo thí điểm và báo cáo Nhà trường những kết quả của việc tổ chức đào tạo thí điểm;

3. Các ngành mới, sau 02 (hai) khoá tốt nghiệp, khoa phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo, chất lượng và hiệu quả đào tạo, việc làm của người học sau khi đào tạo, ý kiến của người sử dụng lao động về chương trình đào tạo và nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực để làm cơ sở đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tiếp tục đào tạo và bổ sung tên ngành mới vào Danh mục đào tạo.

Điều 18. Các điều kiện để kiến nghị đưa chương trình đào tạo thí điểm vào danh mục Nhà nước

1. Ít nhất có trên 50% ý kiến phản hồi của người dạy và người học tán thành chương trình đào tạo và đề nghị tiếp tục triển khai đào tạo;

2. Chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, trên 60% người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo; được các đơn vị sử dụng sản phẩm tốt nghiệp đánh giá đạt chất lượng, không phải đào tạo lại;

3. Khoa/Bộ môn và Nhà trường có đủ các điều kiện để chủ động tổ chức đào tạo sau thời gian thí điểm và cam kết đảm bảo chất lượng theo các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Nhà trường. Chương trình đào tạo được Nhà trường cho phép triển khai tuyển sinh sau thời gian thí điểm.

Điều 19. Dừng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo không được tiếp tục triển khai nếu vi phạm một trong các điều kiện sau:

1. Liên tiếp trong 05 năm không tuyển sinh được sinh viên theo quy định;
2. Chương trình đào tạo được kiểm định không đạt mức độ 1 và không đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo.

Điều 20. Tiếp tục chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo được tiếp tục triển khai nếu:

1. Sau thời gian đào tạo thí điểm, Khoa có báo cáo đánh giá kết quả đào tạo và được Nhà trường cho phép tiếp tục tổ chức đào tạo, được giao chỉ tiêu tuyển sinh và hỗ trợ các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho đơn vị;

2. Khoa chủ động tổ chức phát triển điều kiện đảm bảo chất lượng, cập nhật

chương trình đào tạo cho phù hợp với sự biến động của nhu cầu xã hội và phát triển của khoa học và công nghệ;

3. Khoa nghiêm túc thực hiện công khai thông tin theo quy định và triển khai các hoạt động thông tin quảng bá trên các phương tiện truyền thông.

CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày kí ban hành.
2. Trưởng các phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này./.

Ban

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Lê Hải An

PHỤ LỤC I:
TỜ TRÌNH ĐĂNG KÝ MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
(TÊN KHOA)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ TRÌNH

ĐĂNG KÝ MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH:..... MÃ SỐ:

CHUYÊN NGÀNH

BẬC ĐÀO TẠO:

Kính gửi: Hội đồng khoa học và đào tạo Nhà trường

1. Trình bày lý do đề nghị cho phép đào tạo:

- Trình bày kết quả các nghiên cứu khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ Đại học của ngành đăng ký mở đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của ngành, tỉnh/thành phố, khu vực nơi cơ sở đào tạo đóng trụ sở.
- Phân tích, đánh giá sự phù hợp của nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.

2. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo

- Năm thành lập, quá trình xây dựng và phát triển
- Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo
- Đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý
- Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo
- Số khóa và số sinh viên đã tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm
- Cơ sở vật chất, thiết bị, phòng thí nghiệm thực hành, thư viện, giáo trình

3. Về ngành đào tạo và chương trình đào tạo

- Ghi rõ tên ngành đào tạo đăng ký mở, tên chương trình đào tạo, trình độ đào tạo.
- + Nếu sử dụng chương trình của một trường đại học khác, cần nêu rõ là chương trình của trường đại học nào, kèm theo bản sao chương trình gốc của trường đó và khả năng của cơ sở đào tạo khi thực hiện chương trình này.
- + Nếu sử dụng chương trình của nước ngoài (kể cả trường hợp ngành đăng ký đào tạo đã có trong Danh mục) cần nêu rõ là chương trình của trường đại học nào, nước nào và kèm

theo bản sao chương trình gốc của trường nước ngoài; khả năng của cơ sở đào tạo khi thực hiện chương trình này.

- Tóm tắt về chương trình đào tạo: Tổng khối lượng kiến thức toàn khóa (tổng số đơn vị học trình hoặc tín chỉ), thời gian đào tạo.

- Tóm tắt khả năng đáp ứng của cơ sở đào tạo về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, nguồn thông tin tư liệu...

- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh trong 5 năm đầu của ngành đăng ký đào tạo.

- Tóm tắt về quá trình xây dựng chương trình đào tạo.

4. Kết luận và đề nghị

- Khoa/Bộ môn cần khẳng định việc đầu tư để thực hiện có kết quả, đảm bảo chất lượng đối với những ngành đăng ký mở.

- Cần khẳng định toàn bộ nội dung hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo đã được đưa lên trang website của Khoa/Bộ môn tại địa chỉ: <http://www....>

- Đề nghị:...

Nơi nhận:

-

-

- Lưu:...

TRƯỞNG KHOA

PHỤ LỤC II:
ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành:; Mã số:

Trình độ đào tạo:.....

Kính gửi:

I. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

1. Giới thiệu khái quát về cơ sở đào tạo
2. Trình bày sự cần thiết về việc mở ngành
 - Sự phù hợp với chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo
 - Sự phù hợp về nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia.

II. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

- Năng lực của cơ sở đào tạo (đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành đề nghị mở ngành đào tạo; cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình; hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế);
- Tóm tắt chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo (bao gồm cả đối tượng và điều kiện tuyển sinh, dự kiến tuyển sinh trong 05 năm đầu);
- Biên bản của Hội đồng khoa học đào tạo của cơ sở đào tạo thông qua đề án mở ngành đào tạo;

III. Đề nghị và cam kết thực hiện

1. Địa chỉ website đăng thông tin 3 công khai, chuẩn đầu ra, các quy định của cơ sở đào tạo liên quan đến hoạt động tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học.
2. Đề nghị của cơ sở đào tạo.
3. Cam kết triển khai thực hiện.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

-
-

- Lưu:...

PHỤ LỤC III:
ĐỀ ÁN MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
(TÊN KHOA)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN MỞ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH:..... MÃ SỐ:
CHUYÊN NGÀNH
BẬC ĐÀO TẠO:.....

1. Sự cần thiết phải xây dựng đề án

- Giới thiệu một vài nét về cơ sở đào tạo.
- Trình bày kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực của ngành/chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo đối với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ. Phân tích, đánh giá sự phù hợp của nhu cầu này với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, khu vực, quốc gia.
- Kết quả đào tạo trình độ đại học, kết quả đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ đối với những ngành hoặc chuyên ngành đang đào tạo của cơ sở đào tạo.
- Giới thiệu kỹ về Khoa hay đơn vị chuyên môn sẽ trực tiếp đảm nhận nhiệm vụ đào tạo ngành hoặc chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo.
- Lý do đề nghị cho phép ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ đại học.

2. Luận cứ mở chương trình đào tạo

- Lý do đề nghị mở chương trình đào tạo.
- Các căn cứ pháp lý cho phép mở chương trình.
- Luận cứ khoa học về ngành/chuyên ngành đào tạo mới (đối với chuyên ngành thí điểm).
- Khả năng đưa vào Danh mục ngành/chuyên ngành đào tạo của Nhà nước; đề xuất phương án về mã số của ngành/chuyên ngành sau thời hạn đào tạo thí điểm (đối với chuyên ngành thí điểm).
- Các luận cứ khác.

3. Tình hình đào tạo trên thế giới và ở Việt Nam về ngành/chuyên ngành xin mở

a) Tình hình đào tạo trên thế giới

- Tình hình đào tạo.
- Thu thập và đánh giá một số chương trình đào tạo của các trường đại học được xếp

hạng thuộc danh sách 500 trường đại học tốt nhất thế giới. Thống kê 3 chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) chuyên ngành xin mở theo bảng sau:

Danh mục cơ sở đào tạo nước ngoài đang đào tạo ngành/chuyên ngành

TT	Tên nước	Cơ sở đào tạo	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo	Bậc đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web
1							
2							

b) Tình hình đào tạo ở Việt Nam

- Tình hình đào tạo.

- Thu thập và đánh giá một số chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín ở Việt Nam. Thống kê 3 chương trình đào tạo theo đúng (hoặc gần đúng) chuyên ngành xin mở theo bảng sau:

Danh mục cơ sở đào tạo trong nước đang đào tạo ngành/chuyên ngành ...

STT	Cơ sở đào tạo	Tên ngành/chuyên ngành đào tạo	Bậc đào tạo	Mục tiêu đào tạo	Danh hiệu tốt nghiệp	Địa chỉ trang web
1						
2						

4. Tuyển sinh cho chương trình xin mở

- Điều kiện dự tuyển: Ghi rõ điều kiện văn bằng, thâm niên công tác, bổ sung kiến thức (nếu có).

- Nguồn tuyển sinh: Dự kiến nguồn tuyển sinh từ những ngành nào, trường nào, nước nào...

- Phương thức tuyển sinh (khối thi/ môn thi/ hình thức tổ chức thi).

5. Điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo cho chương trình xin mở

Điều kiện đảm bảo chất lượng được dựa theo các Tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo cụ thể gồm các nội dung chính sau:

5.1. Về đội ngũ cán bộ, giảng viên

a) Đội ngũ cán bộ tham gia giảng dạy chương trình: Số giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng, số GS, PGS, TSKH, TS, ThS, CN... ; trích ngang về đội ngũ cán bộ (theo Phụ lục III - Mẫu 1); lí lịch khoa học (theo Phụ lục V), bản sao văn bằng cao nhất của đội ngũ cán bộ.

b) Thành tích NCKH của đội ngũ cán bộ (theo Phụ lục III - Mẫu 6).

5.2 Về hoạt động NCKH của đơn vị

a) Tóm tắt về hoạt động NCKH của đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo thể hiện qua bảng trích ngang về các đề tài NCKH do đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo thực hiện (theo Phụ lục III - Mẫu 4).

b) Tóm tắt về các hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành đã tổ chức tại đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo (không bắt buộc đối với mở chương trình đào tạo trình độ đại học và thạc sĩ).

c) Danh mục hướng nghiên cứu thuộc chuyên ngành xin mở đào tạo (ít nhất cho 3 năm đầu tiên) thể hiện qua bảng trích ngang về các hướng nghiên cứu (không bắt buộc đối với mở chương trình đào tạo trình độ đại học).

5.3. Về cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo

Các cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo như: Giảng đường (số lượng, diện tích), phòng thí nghiệm (tên, diện tích, trang thiết bị, ...), các cơ sở thực tập, thực tế; thư viện (số sách, tạp chí, học liệu); trang thiết bị, phương tiện giảng dạy... (theo Mẫu 2 và Mẫu 3, Phụ lục III).

5.4. Dự kiến kế hoạch đào tạo chung cho toàn khoá học và kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng năm học

5.5. Dự kiến nhu cầu xin thêm biên chế cán bộ giảng dạy và kinh phí ngân sách Nhà nước hàng năm

6. Hợp tác, liên kết đào tạo về chương trình xin mở (nếu có)

- Giới thiệu về đơn vị đối tác.
- Trình bày về năng lực nghiên cứu, đào tạo của đội ngũ cán bộ cơ hữu thuộc biên chế của đơn vị đối tác có thể tham gia đào tạo về chương trình xin mở; về hoạt động NCKH và cơ sở vật chất của đơn vị đối tác có thể phục vụ cho công tác đào tạo.

7. Hoạch toán thu chi triển khai chương trình đào tạo

Dự kiến các khoản thu, chi; hoạch toán hiệu quả kinh tế và tính bền vững của chương trình đào tạo, gồm:

- Chi phí đào tạo;
- Mức thu học phí và các khoản thu khác cho một tín chỉ hoặc cho từng năm học và dự kiến cho toàn bộ khóa học;
- Các nguồn thu từ các hợp đồng đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ,

sản xuất, tư vấn và các nguồn thu hợp pháp khác;

- Kế hoạch phân bổ sử dụng nguồn thu học phí, trong đó có phần trích để tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng;

- Chính sách học bổng (nếu có);

- Hoạch toán hiệu quả kinh tế, tính bền vững của chương trình đào tạo.

8. Tài liệu tham khảo để viết Đề án

- Tài liệu trong nước

- Tài liệu nước ngoài (trong đó có chương trình đào tạo đầy đủ các nội dung của trường đại học tiên tiến ở nước ngoài được sử dụng để xây dựng chương trình đào tạo của đơn vị).

9. Các chương trình đào tạo tương tự áp dụng trong 5 năm trở lại đây

(đính kèm đầy đủ nội dung của các chương trình này)

- Chương trình trong nước.

- Chương trình nước ngoài.

PHỤ LỤC IV:

CÁC MẪU KÊ KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC TẾ ĐIỀU KIỆN VỀ ĐỘI NGŨ
GIẢNG VIÊN, TRANG THIẾT BỊ, THƯ VIỆN

- Cơ sở đào tạo: ...
- Địa chỉ trụ sở chính: ...
- Thành phần Đoàn kiểm tra (theo Quyết định số ngày.....thángnăm...):...
- Các nội dung kiểm tra:

1. Đội ngũ giảng viên và kỹ thuật viên cơ hữu của cơ sở

1.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở phân theo các chương trình giảng dạy trong đó bao gồm cả chương trình đang đăng ký mở ngành

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1. Ngành 1 (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ..... ngày....)						
1						
2						
...						
2. Ngành 2 (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ..... ngày....)						
1						
2						
...						
n. Ngành n (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ..... ngày....)						
1						
2						
...						
n+1. Ngành đăng ký đào tạo						
1						
2						
...						

1.2. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1. Ngành 1 (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ..... ngày....)						
1						
2						
...						
2. Ngành 2 (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ..... ngày....)						
1						
2						
...						
o. Ngành n (ngành đã được cho phép đào tạo theo QĐ..... ngày....)						
1						
2						
...						
n+1. Ngành đăng ký đào tạo						
1						
2						
...						

2. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

2.1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học	Diện tích (m2)		
1									
2									
...									

2.2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành			Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần		
1			- - -				
2			- - -				
...							

2.3. Thư viện

- Diện tích thư viện: m²; Diện tích phòng đọc: m²
- Số chỗ ngồi: ... ; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: ...
- Phần mềm quản lý thư viện:
- Thư viện điện tử: ; Số lượng sách, giáo trình điện tử:...

2.4. Danh mục giáo trình của các ngành đang đào tạo và đăng ký đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/ học phần	Đúng/ Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1								
2								
...								

2.5. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Số TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần	Đúng/Không đúng với hồ sơ	Ghi chú
1							
2							
...							

2.6. Danh sách các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo

Kèm hợp đồng đào tạo giữa cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành/thực tập

Hồ sơ kèm Biên bản kiểm tra điều kiện thực tế của cơ sở

....., ngày..... tháng năm.....

Thủ trưởng cơ sở đào tạo

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC V:
MẪU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ...tháng ...năm... của Hiệu trưởng/ Giám đốc)

Tên chương trình:

Trình độ đào tạo:

Ngành đào tạo:; Mã số:

1. Mục tiêu

- Mục tiêu chung
- Mục tiêu cụ thể: Kiến thức, kỹ năng, thái độ, vị trí làm việc sau tốt nghiệp, trình độ Ngoại ngữ, Tin học,...

2. Chuẩn đầu ra (theo quy định tại Thông tư 07/2015)

2.1. Về kiến thức

- 2.1.1 Kiến thức chung trong Nhà Trường
- 2.1.2 Kiến thức chung của lĩnh vực/khối ngành
- 2.1.3 Kiến thức cơ sở ngành
- 2.1.4 Kiến thức chuyên ngành
- 2.1.5 Kiến thức bổ trợ
- 2.1.6 Kiến thức thực tập và tốt nghiệp

2.2. Về kỹ năng

- 2.2.1. Kỹ năng cứng

- 2.2.1.1. Các kĩ năng nghề nghiệp
- 2.2.1.2. Các kỹ năng tư duy, năng lực học tập suốt đời
- 2.2.1.3. Hiểu bối cảnh xã hội, ngoại cảnh và tổ chức
- 2.2.1.4. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn
- 2.2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh
- 2.2.1.6. Năng lực sáng tạo, phát triển và sẵn sàng thay đổi trong nghề nghiệp

2.2.2. Kĩ năng mềm

- 2.2.2.1. Các kĩ năng cá nhân
- 2.2.2.2. Làm việc theo nhóm
- 2.2.2.3. Quản lí và lãnh đạo
- 2.2.2.4. Kĩ năng giao tiếp
- 2.2.2.5. Kĩ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ
- 2.2.2.6. Các kĩ năng mềm khác

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

4. Đối tượng tuyển sinh

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6. Cách thức đánh giá

7. Nội dung chương trình

STT/ mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương				
	Học phần ...			
	Học phần			
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				
	Học phần....			
	Học phần....			
2.2. Kiến thức ngành				
	Học phần....			
	Học phần....			
2.3. Kiến thức chuyên ngành (nếu có)				
	Học phần....			
	Học phần....			

8. Kế hoạch đào tạo chuẩn:

9. Danh mục tài liệu tham khảo (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

TT	Mã HP	Tên học phân	Số tín chỉ	Danh mục tài liệu tham khảo (1. Tài liệu bắt buộc, 2. Tài liệu tham khảo thêm)
1.				1. Tài liệu bắt buộc 2. Tài liệu tham khảo thêm
2.				
3.				
4.				
5.				

10. Đội ngũ cán bộ giảng dạy (ghi theo số thứ tự trong khung chương trình)

TT	Mã học phân	Tên học phân	Số tín chỉ	Cán bộ giảng dạy			
				Họ và tên	Chức danh khoa học, học vị	Chuyên ngành đào tạo	Đơn vị công tác
1.							
2.							
3.							
4.							
5.							
6.							

11. So sánh chương trình đào tạo đã xây dựng với một chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài

a) Giới thiệu về chương trình được sử dụng để so sánh

- Tên chương trình, tên văn bằng sau khi tốt nghiệp.
- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo.
- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành đào tạo.

b) Bảng so sánh chương trình đào tạo

STT	Tên học phần trong chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Tên học phần trong chương trình đào tạo của đơn vị (Tiếng Anh, tiếng Việt)	Thuyết minh về những điểm giống và khác nhau giữa các học phần của 2 chương trình đào
1.			
2.			
3.			

**Thủ trưởng cơ sở đào tạo đăng ký
mở ngành đào tạo**

(ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC VI:

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., Ngày tháng năm

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH

Tên ngành:; Mã số:

TT	Điều kiện mở ngành	Điều kiện thực tế của cơ sở đào tạo	Ghi chú
1	Sự cần thiết phải mở ngành 1.1. Phân tích, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, vùng, quốc gia 1.2. Sự phù hợp với Danh mục đào tạo cấp IV trình độ đại học hiện hành 1.3. Thuyết minh về ngành đăng ký đào tạo không nằm trong Danh mục đào tạo (nếu có) 1.4. Kế hoạch phát triển trường (Quyết nghị của Hội đồng trường/Hội đồng quản trị thông qua việc mở ngành đăng ký đào tạo). 1.5. Quyết định phân công đơn vị chủ trì xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo		
2	Đội ngũ giảng viên 2.1. Tổng số giảng viên cơ hữu và tỷ lệ % giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo 2.2. Giảng viên cơ hữu - Tổng số thạc sỹ cùng ngành, ngành gần: - Số tiến sỹ cùng ngành: - Số thạc sỹ cùng ngành: 2.3. Lý lịch khoa học của các giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo 2.4. Giảng viên thỉnh giảng		

	2.5. Các minh chứng về đội ngũ giảng viên cơ hữu đối với ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục đào tạo (nếu có).		
3	Cơ sở vật chất 3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm 3.2. Thư viện, thư viện điện tử 3.3. Hoạt động Website của cơ sở đào tạo		
4	Chương trình đào tạo 4.1. Tóm tắt chương trình đào tạo 4.2. Quyết định ban hành chương trình đào tạo 4.3. Kế hoạch tổ chức đào tạo		
5	Thẩm định chương trình đào tạo và điều kiện đảm bảo chất lượng 5.1. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định 5.2. Biên bản Hội đồng thẩm định 5.3. Giải trình của cơ sở đào tạo theo góp ý của Hội đồng thẩm định (nếu có)		

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC VII:
LÝ LỊCH KHOA HỌC

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:	Giới tính:		
Ngày, tháng, năm sinh:	Nơi sinh:		
Quê quán:	Dân tộc:		
Học vị cao nhất:	Năm, nước nhận học vị:		
Chức danh khoa học cao nhất:	Năm bổ nhiệm:		
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):			
Đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu):			
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:			
Điện thoại liên hệ:	CQ:	NR:	DD:
Fax:	Email:		

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo:

Nơi đào tạo:

Ngành học:

Nước đào tạo:

Năm tốt nghiệp:

Bằng đại học 2:

Năm tốt nghiệp:

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành:

Năm cấp bằng:

Nơi đào tạo:

- Tiến sĩ chuyên ngành:

Năm cấp bằng:

Nơi đào tạo:

- Tên luận án:

3. Ngoại ngữ: 1.

Mức độ sử dụng:

2.

Mức độ sử dụng:

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

TT	Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học đã công bố

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí

Xác nhận của cơ quan chủ quản

....., ngày tháng năm

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

PHỤ LỤC VIII:

PHIÊN HỌP THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Nội dung thẩm định chương trình đào tạo

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo theo các nội dung sau:

- Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo;
- Mục tiêu của chương trình đào tạo;
- Cấu trúc chương trình đào tạo;
- Thời lượng của chương trình đào tạo;
- Nội dung của chương trình đào tạo: Đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước;
- Đề cương chi tiết của học phần/môn học: Mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.

II. Các bước tiến hành

1. Cơ sở đào tạo đề nghị cho phép đào tạo ngành hoặc chuyên ngành trình bày tóm tắt các căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo; mục tiêu của chương trình đào tạo; cấu trúc chương trình đào tạo; thời lượng của chương trình đào tạo; nội dung của chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần và các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo.
2. Hai thành viên phản biện của Hội đồng thẩm định đọc nhận xét và đặt câu hỏi.
Các thành viên của Hội đồng thẩm định đặt câu hỏi.
3. Đại diện cơ sở đào tạo trả lời và giải trình.

4. Chương trình đào tạo được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên ghi ý kiến của mình vào phiếu thẩm định, trong đó cần khẳng định chương trình đào tạo đạt yêu cầu hay chưa đạt yêu cầu, những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa). Phiếu trắng được coi là phiếu không thông qua. Chương trình được coi là đạt yêu cầu khi có 4/5 thành viên bỏ phiếu thông qua.

5. Kết luận của Hội đồng thẩm định

Toàn bộ diễn biến của phiên họp phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt là phần hỏi và trả lời, trong đó ghi đầy đủ ý kiến của các thành viên có mặt trong buổi thẩm định.

Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và thư ký Hội đồng.

III. Mẫu phiếu thẩm định

PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định:

Chức danh trong Hội đồng thẩm định:

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định chương trình đào tạo:

Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo:

Mã số:

Trình độ đào tạo:

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Kết luận (đáp ứng yêu cầu hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo		
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo		
3	Cấu trúc chương trình đào tạo		
4	Thời lượng của chương trình đào tạo		
5	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội đất nước)		
6	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo)		

Những ý kiến khác

Kết luận chung: (trong đó cần khẳng định đạt yêu cầu hay chưa, những nội dung cần bổ sung chỉnh sửa,) ...

Thành viên Hội đồng thẩm định
(ký tên)

PHỤ LỤC IX:
MẪU ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/CHUYÊN ĐỀ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO:

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Tên tiếng Việt (tên tiếng Anh)

.....
1.1. Mã số học phần:.....

1.2. Số tín chỉ học phần:

1.3. Số tiết học phần:

Lý thuyết:.....; Bài tập:.....; Thực hành:.....;

Thực tập:.....; Đồ án:.....; Tự học:.....

2. Đơn vị quản lý học phần

2.1. Giảng viên giảng dạy:

1. TS. Nguyen Van A

2. TS. Phạm Văn B

3. ThS. Tran Van C

2.2. Bộ môn:.....

2.3. Khoa:.....

3. Điều kiện tiên quyết (mã số học phần)

4. Mục tiêu của học phần (là kết quả học tập mong đợi người học đạt được)

4.1. Kiến thức (Trình bày những kiến thức mong muốn sinh viên tích lũy được sau khi hoàn thành học phần?)

4.1.1. Xây dựng được mô hình toán học của đối tượng trên cơ sở phương trình vi phân và biến đổi Laplace

4.1.2. Chuyển đổi được mô hình toán học của đối tượng từ phương trình vi phân sang phương trình trạng thái và ngược lại

4.2. Kỹ năng (Trình bày những kỹ năng cứng và kỹ năng mềm mong muốn sinh viên tích lũy được sau khi hoàn thành học phần?)

4.2.1. Sử dụng thành thạo Matlab trong bài toán biến đổi laplace thuận và nghịch, biến đổi Z, vẽ được các đặc tính của đối tượng sử dụng câu lệnh cũng như sử dụng Simulink.....

4.2.2.....

5. Tóm tắt nội dung học phần

(Mô tả tóm tắt các nội dung chính giảng dạy cho người học; khoảng 10 dòng)

6. Cấu trúc nội dung học phần

Bảng 1. Nội dung học phần

6.1. Lý thuyết			
Đề mục	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1.			
1.1			4.1.1
1.2			4.2.1
Chương 2.			
2.1			4.2.2
2.2			
Chương 3.			4.3.1
.....			
6.2. Thí nghiệm/Thực hành (nếu có)			
Đề mục	Nội dung	Số tiết	Mục tiêu
Chương 1.			
Bài 1			
Bài 2			
.....			
Chương 2.			
Bài 1			
Bài 2			
Chương 3.			
.....			

Lưu ý:

- Cột mục tiêu (đánh số) theo mục 4 các mong muốn đạt được sau khi kết thúc chương

7. Phương pháp giảng dạy (Trình bày các phương pháp giảng dạy được áp dụng giảng dạy học phần)

- Giảng dạy lý thuyết kết hợp bài tập
- Mô phỏng và kiểm chứng các bài tập sử dụng phần mềm Matlab Simulink

8. Nhiệm vụ của sinh viên (Trình bày các nhiệm vụ sinh viên phải thực hiện)

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Có mặt tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.

- Hoàn thành đầy đủ 100% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.

- Hoàn thành đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động chuẩn bị các nội dung và thực hiện giờ tự học theo mục 11.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

Bảng 2. Đánh giá học phần

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%
2	Điểm bài tập	Số bài tập đã làm/số bài tập được giao.	30%
3	Điểm bài tập nhóm	- Báo cáo/thuyết minh/... - Được nhóm xác nhận có tham gia.	
4	Điểm thực hành/thí nghiệm/ thực tập	- Báo cáo/kỹ năng, kỹ xảo thực hành/.... - Tham gia 100% số giờ.	
5	Điểm kiểm tra giữa kỳ	- Thi viết/trắc nghiệm/vấn đáp/... (.... phút)	
...	...	...	...
...	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết/trắc nghiệm/vấn đáp/... (.... phút). - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bắt buộc dự thi.	60%

Lưu ý:

- Nội dung trong bảng trên chỉ là gợi ý để tham khảo, tùy theo đặc điểm của học phần có thể thiết kế điểm thành phần, quy định, trọng số, mục tiêu đánh giá học phần cho phù hợp. Tổng cộng trọng số của các điểm thành phần là 100%.

- Cột “Quy định” tương ứng với các điểm thành phần có thể trình bày thêm nội dung tiêu chí đánh giá.

- Hình thức thi có thể thay đổi theo từng năm học (Giảng viên cần thông báo cho bộ phận Khảo thí nếu thay đổi hình thức thi vào đầu HK)

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác đào tạo của Nhà trường.

10. Tài liệu học tập

[1] (Giáo trình/ bài giảng)

[2] (Tài liệu tham khảo khác)

Lưu ý: Giới thiệu tối thiểu 3 giáo trình/ tài liệu tham khảo của học phần.

11. Nội dung sinh viên cần chuẩn bị

Bảng 3. Nội dung chuẩn bị

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Bài tập (tiết)	Thực hành (tiết)	Sinh viên cần chuẩn bị
1	Chương 1:..... 1.1. 1.2. 1.3.	3	2	0	+Tài liệu [1] : Nội dung từng mục của Chương (ví dụ: 1.1 đến 1.3, Chương 1). +Ôn tập nội dung đã học ở học phần +Tra cứu nội dung về: -Tìm hiểu bài thí nghiệm số 1 (từ trang.....đến trang.....) được hướng dẫn trong tài liệu [2] . -Tìm hiểu Phần 1 (từ trang... đến trang.....) và Phần 3 (từ trang đến trang.....) để rõ hơn về các vấn đề sau:....trong tài liệu [1] . -Làm bài tập số 1, 2,.....của Chương 1, tài liệu [2] . -Làm việc nhóm (<i>theo danh sách phân nhóm</i>): làm bài tập số 5 của Chương 1, tài liệu [2] và viết báo cáo nhóm. -Viết báo cáo bài thí nghiệm (ví dụ: Bài thí nghiệm số 1, Chương 1) -Tìm hiểu Bài thí nghiệm số 2 được hướng dẫn trong tài liệu [1] . Chú ý: Tìm hiểu phương pháp thí nghiệm và phân tích số liệu về.... (từ trangđến trang....); Tìm hiểu phần hướng dẫn chuẩn bị mẫu thí nghiệm và các bước tiến hành (từ trang.....đến trang)
2	Chương 2:..... 2.1. 2.2.	3	2	5	
3	Chương 3:..... 3.1. 3.2.	3		5	

	3.3.				

Lưu ý:

- Nội dung trong bảng trên chỉ là gợi ý để tham khảo, tùy theo đặc điểm của học phần, bộ môn thiết kế số tiết lý thuyết, số tiết thực hành và nội dung sinh viên cần chuẩn bị cho phù hợp.
- Các học phần có khối lượng từ 1-2 tín chỉ học trong 6 Tuần, 3-4 tín chỉ học trong 12 tuần

Hà nội, ngày ... tháng ... năm 20...

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG BỘ MÔN

Ghi chú:

- Đề cương chi tiết học phần phải được biên soạn đúng theo định dạng (format) của file Mẫu Đề cương chi tiết học phần.
- Sau khi được phê duyệt, Đề cương chi tiết học phần được gửi cho phòng Đào tạo Đại học (bằng văn bản và file) và được cập nhật vào website của Trường.
- Tên file của Đề cương chi tiết học phần là mã số học phần.